

Số: 04/2024/QĐST-DS

Tiên Du, ngày 05 tháng 02 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 05/2023/TLST- DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**

Địa chỉ trụ sở: **Số B - B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị T** hoặc/ và ông **Lê Văn N** (Giấy ủy quyền số: 25/2023/GUQ-CNBN ngày 05/7/2023 của **Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh B**).

Địa chỉ liên lạc: **Số A phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.**

Bị đơn: Ông **Trịnh Trọng Q**, sinh năm 1958;

Bà **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: **Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trịnh Trọng T1**, sinh năm 1986; địa chỉ: **Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông **Trịnh Trọng Q** và bà **Nguyễn Thị O** xác nhận có ký với **Ngân hàng TMCP S** Hợp đồng tín dụng số: LD1924600039 ngày 23/9/2019 và 02 (hai) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/9/2019.

2.2. Ông **Trịnh Trọng Q** và bà **Nguyễn Thị O** có trách nhiệm phải trả nợ cho **Ngân hàng TMCP S** toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 25/01/2024 là 380.910.050 đồng (Ba trăm tám mươi triệu chín trăm mười ngàn không trăm năm mươi đồng) và các khoản lãi tiếp theo kể từ ngày 26/01/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất quy định theo các hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết.

2.3. Phương thức thanh toán:

- Ngày 20/02/2024: Ông **Trịnh Trọng Q** và bà **Nguyễn Thị O** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền là 20.000.000 đồng.

- Ngày 20/3/2024: Ông **Trịnh Trọng Q** và bà **Nguyễn Thị O** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền là 20.000.000 đồng.

- Ngày 20/4/2024: Ông **Trịnh Trọng Q** và bà **Nguyễn Thị O** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền là 20.000.000 đồng.

- Ngày 20/5/2024: Ông **Trịnh Trọng Q** và bà **Nguyễn Thị O** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền là 20.000.000 đồng.

- Từ ngày 20/06/2024 đến ngày 20/10/2024: Trả hết số nợ còn lại là 300.910.050 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/01/2024 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2.4. Trường hợp ông **Trịnh Trọng Q** và bà **Nguyễn Thị O** không trả được nợ cho **Ngân hàng TMCP S** thì cho **Ngân hàng TMCP S** có quyền đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để trả nợ cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 346, tờ bản đồ số 8, diện tích 236m² cùng toàn bộ tài sản trên đất tại **thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh**. Nếu tài sản thế chấp sau khi phát mại không đủ để trả nợ cho **Ngân hàng TMCP S** thì ông **Trịnh Trọng Q** và bà **Nguyễn Thị O** phải có trách nhiệm tiếp tục trả hết số nợ cho **Ngân hàng TMCP S**.

2.5. Về án phí: Ông **Trịnh Trọng Q** và bà **Nguyễn Thị O** là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Trịnh Trọng Q** và bà **Nguyễn Thị O**. Trả lại **Ngân hàng TMCP S** số tiền 11.074.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu ký hiệu số: BLTU/23; số 0001154, ngày 23/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

2.6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản: Ông **Trịnh Trọng Q** và bà **Nguyễn Thị O** phải chịu 10.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản. Xác định **Ngân hàng TMCP S** đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản là 10.000.000 đồng. Ông **Trịnh Trọng Q** và bà **Nguyễn Thị O** phải trả cho **Ngân hàng TMCP S** 10.000.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Trần Văn Quang